



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nước giải khát Sanest Khánh Hòa

Ngày 30/06/2025	25,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.4%	2.4%	2.0%

DT thuần Q2/25
315
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0 -3.0%
YoY: ▼42.0 -11.7%

LN thuần Q2/25
21.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.30 -1.5%
YoY: ▲ 1.10 5.3%

LN sau thuế Q2/25
17.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
7.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

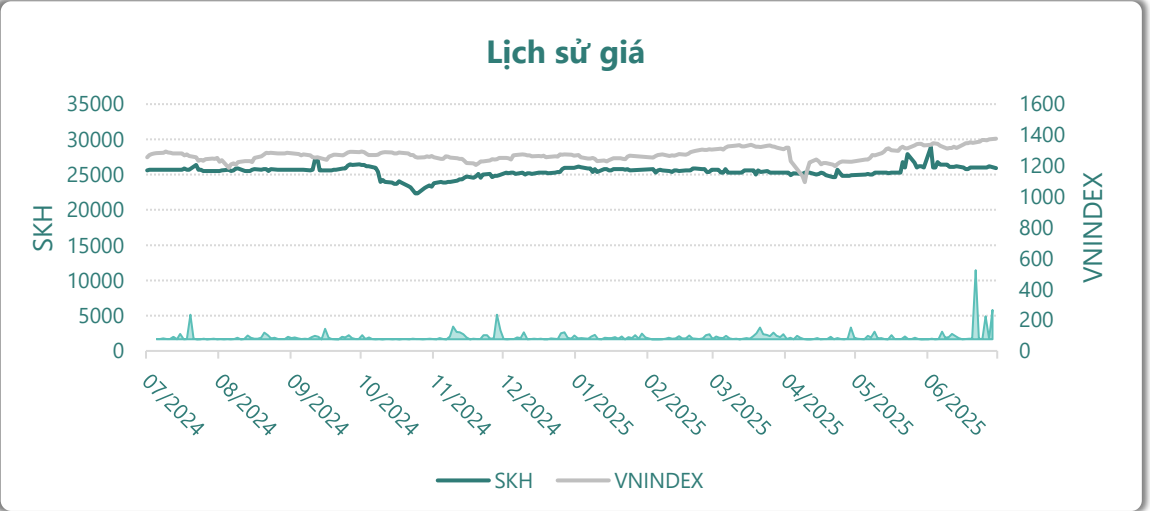
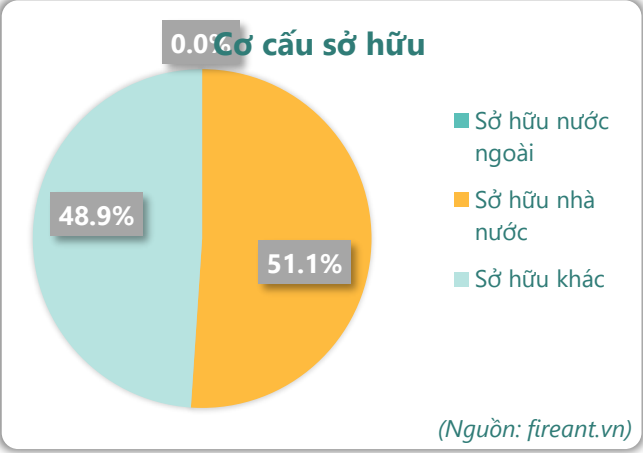
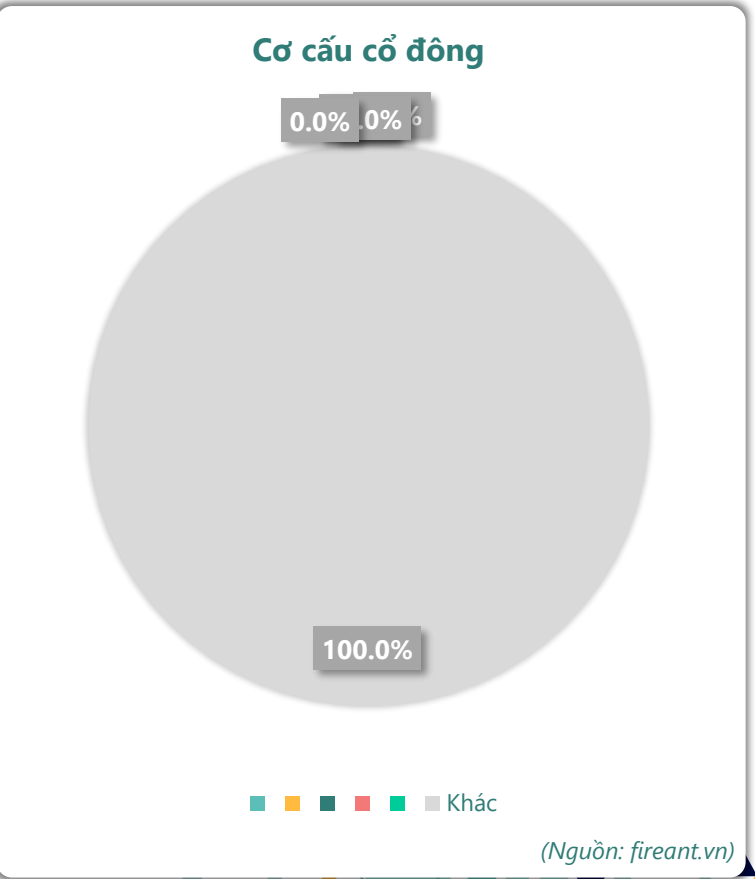
ROE (TTM) Q2/25
13.9%
YoY: +/-▲ 0.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,344 - 28,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	855
Số lượng CPLH (CP)	33,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,620
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.10
EPS	1,797
P/E	14.4

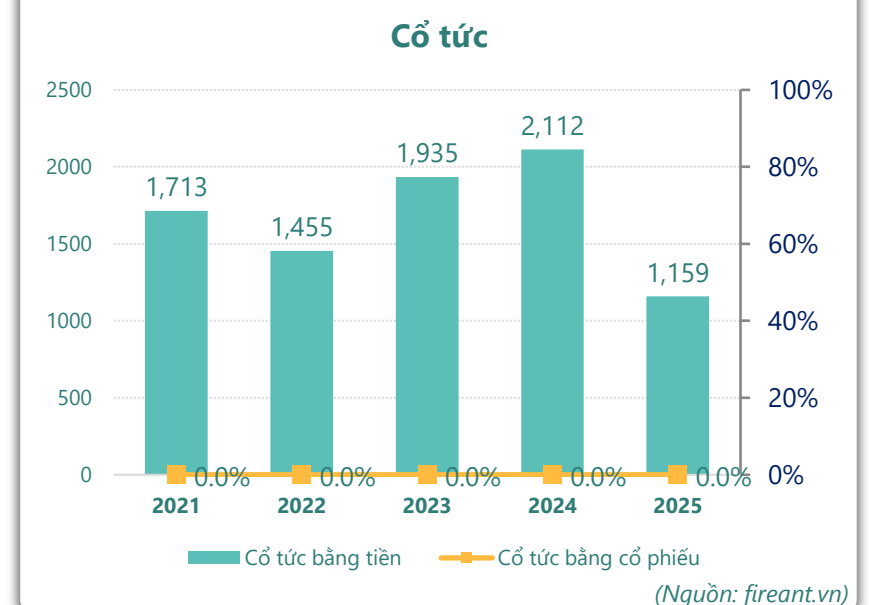
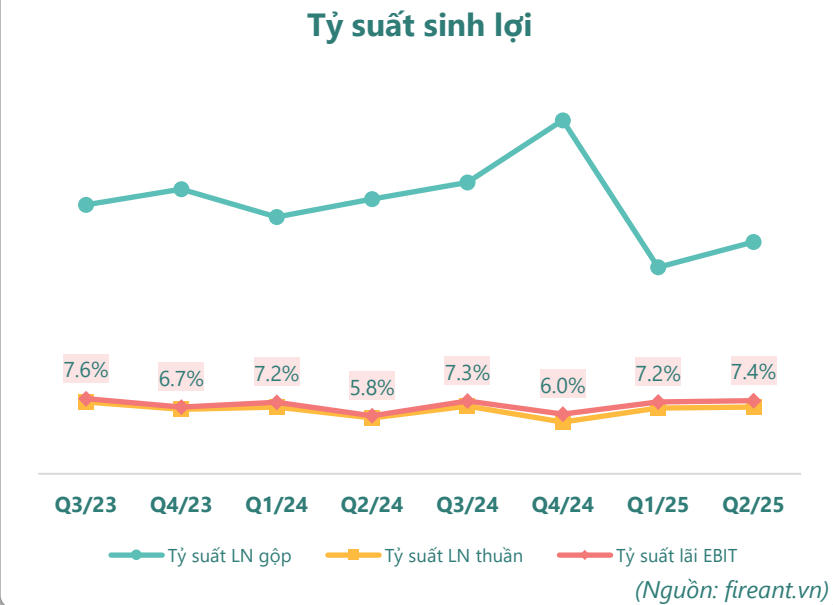
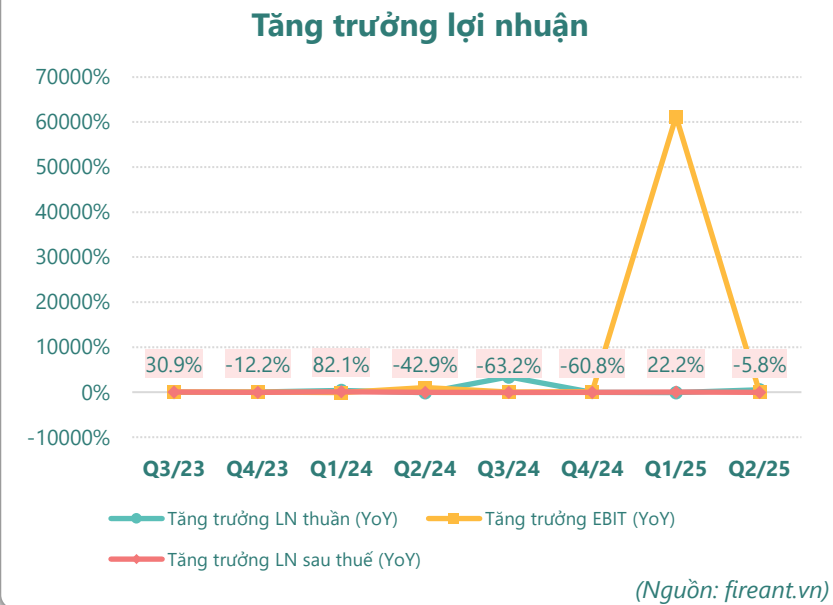
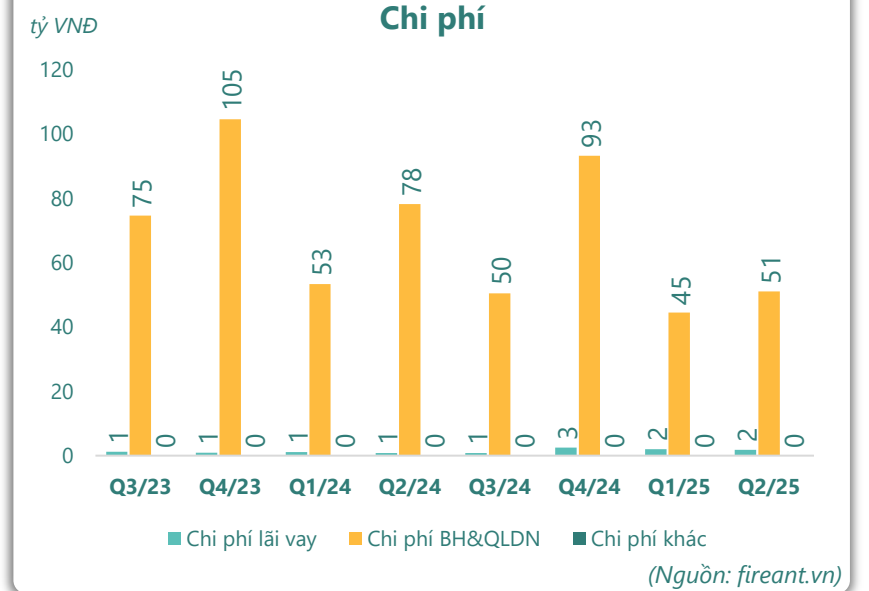
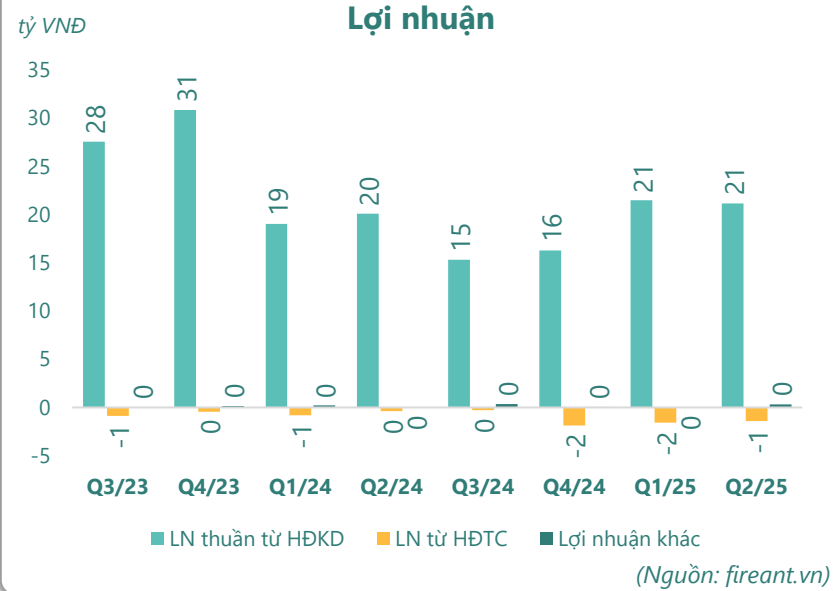
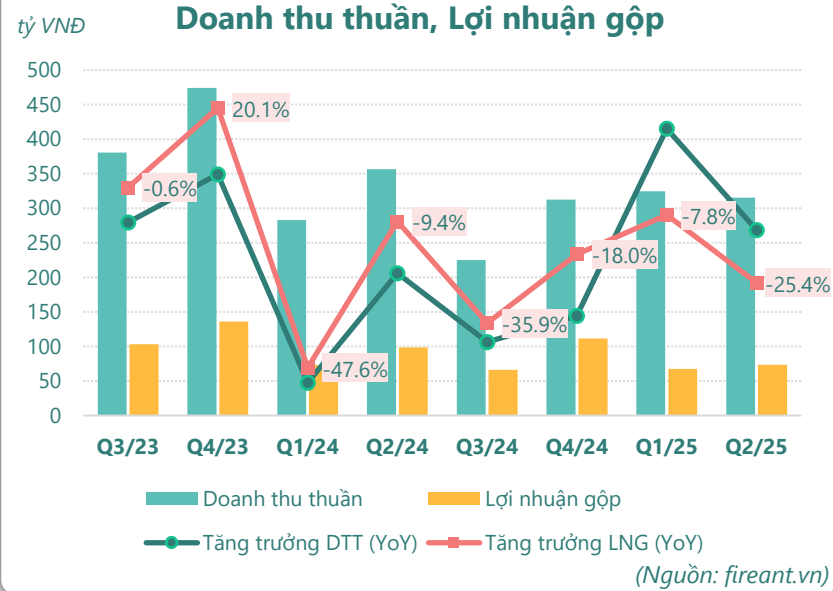
DT thuần 6T 2025
640
tỷ VNĐ

LN thuần 6T 2025
42.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.50 9.0%

LN sau thuế 6T 2025
34.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 9.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

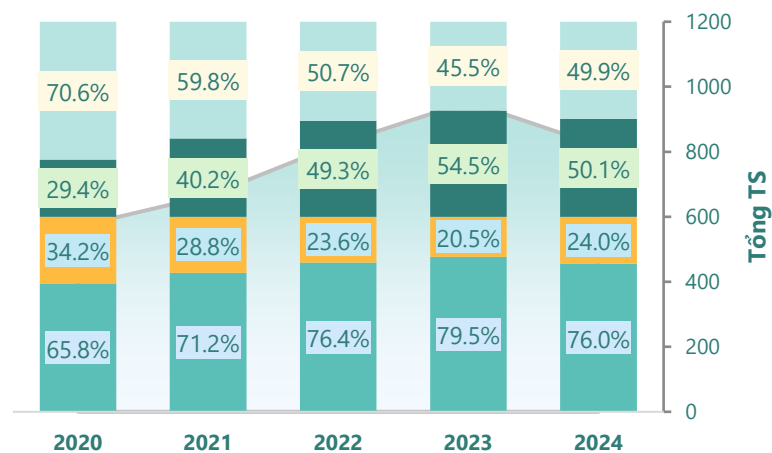




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

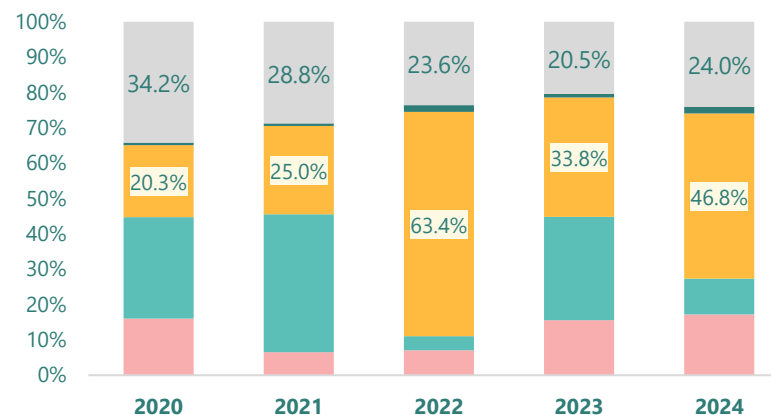
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

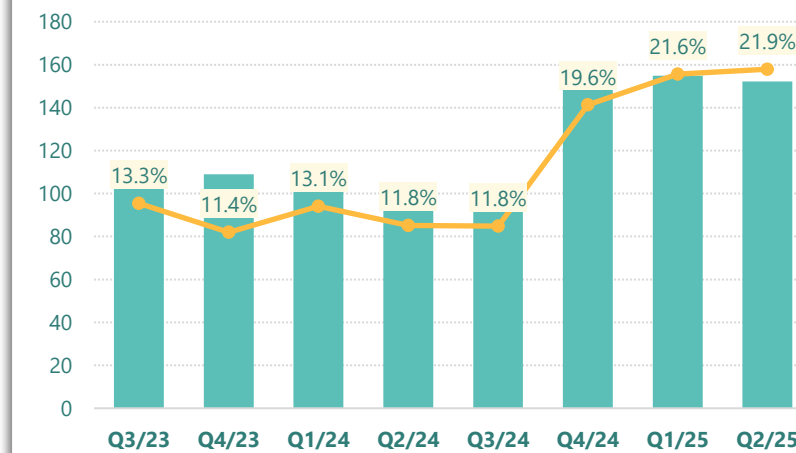
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

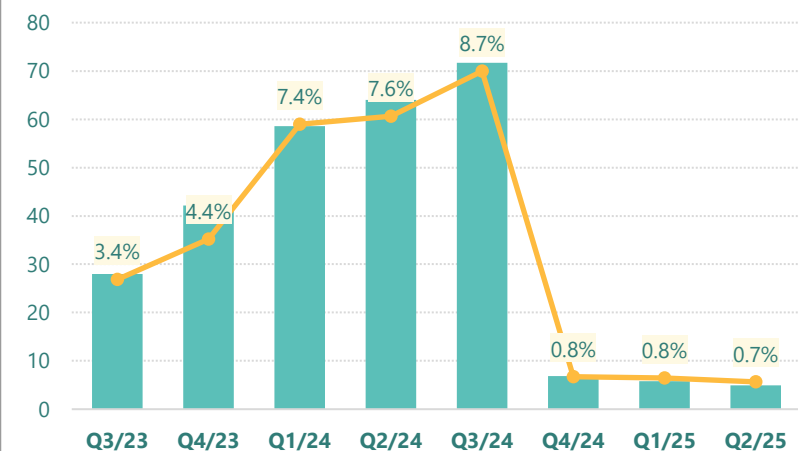
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

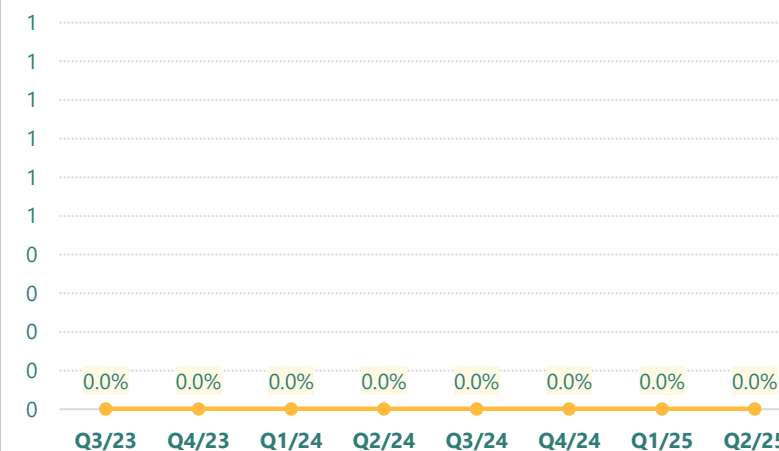
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

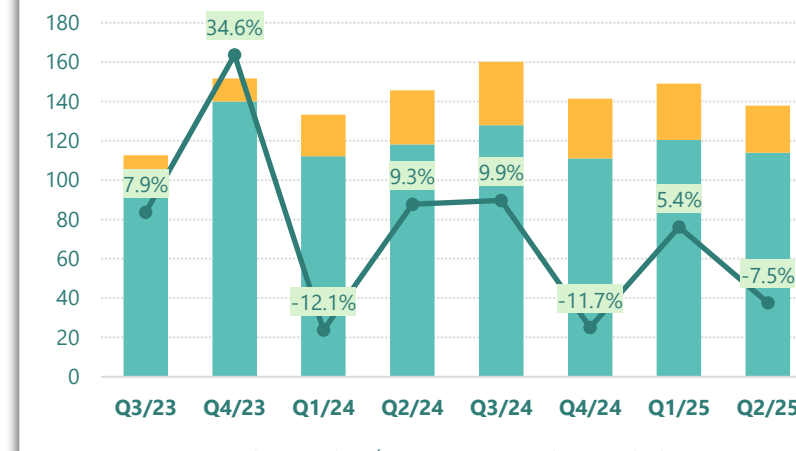
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

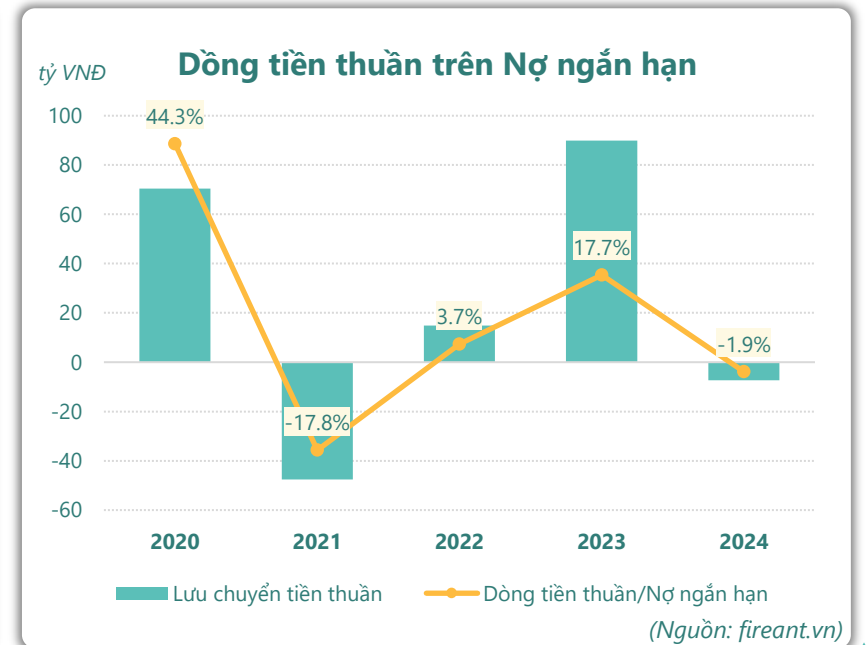
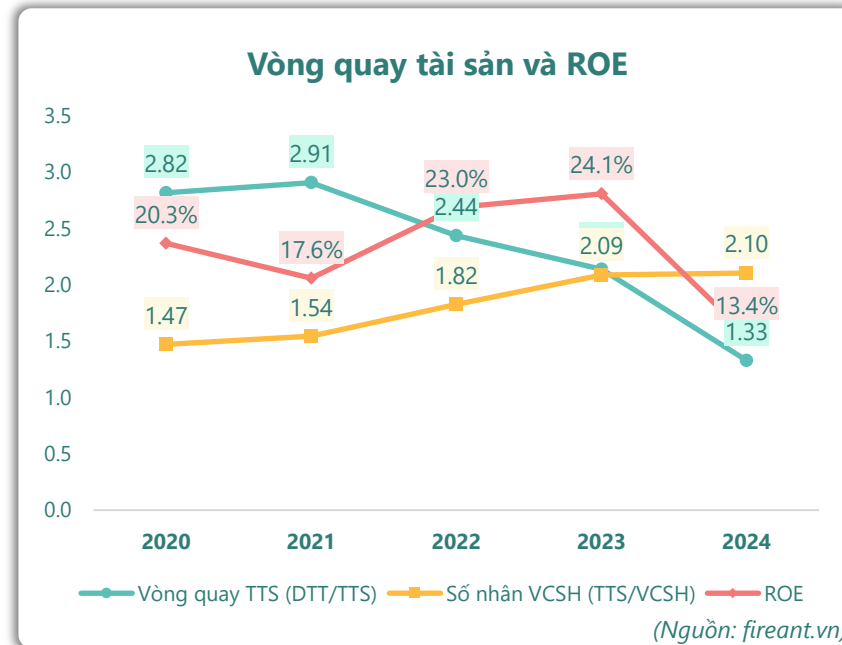
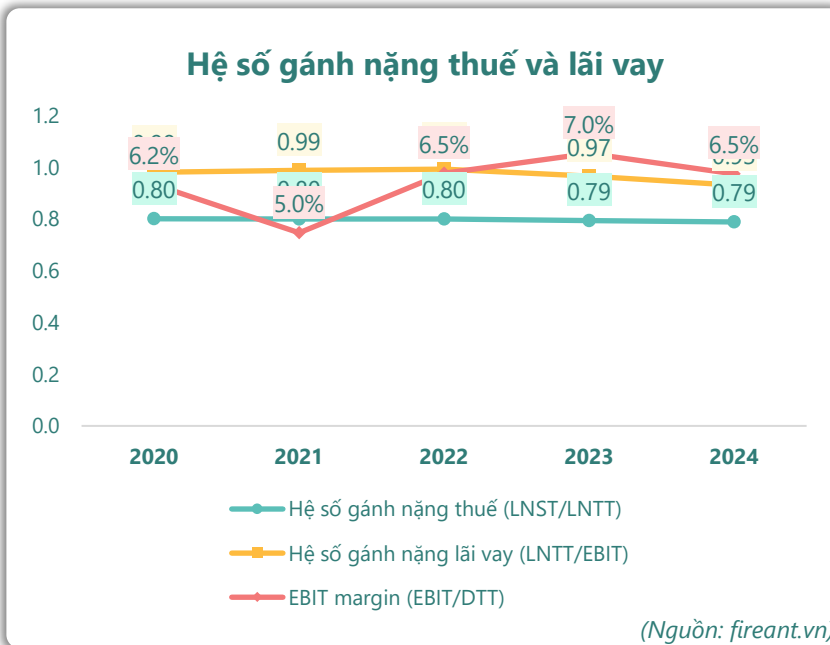
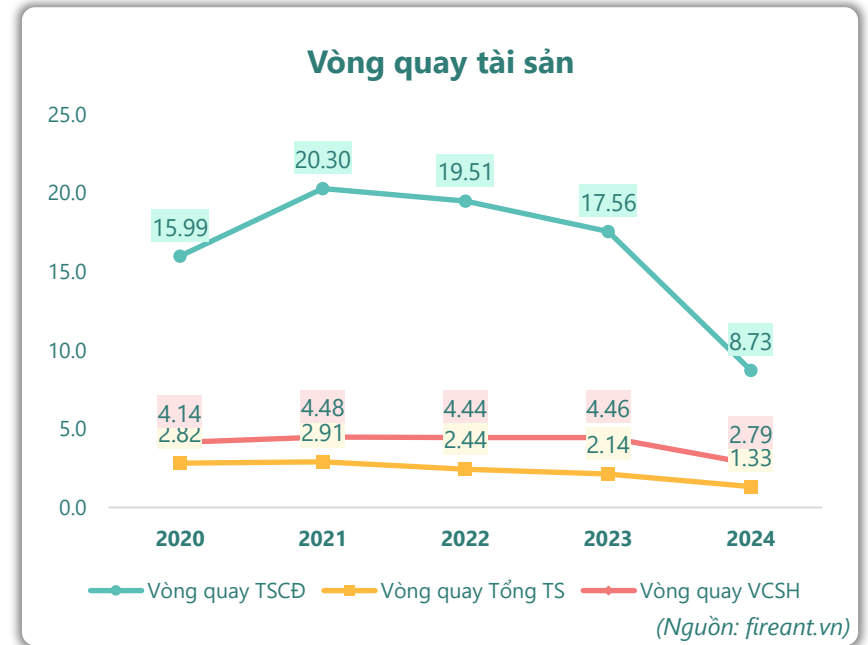
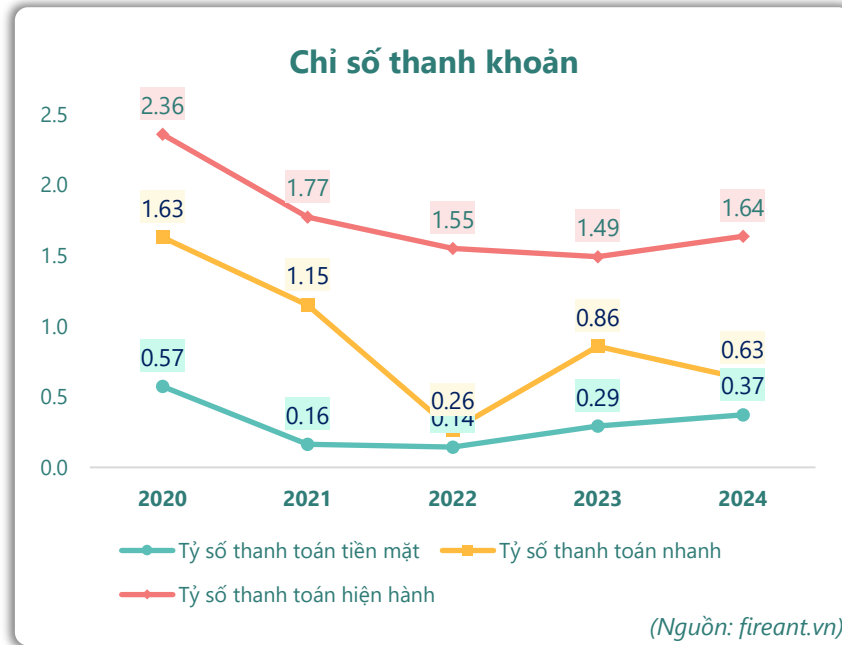
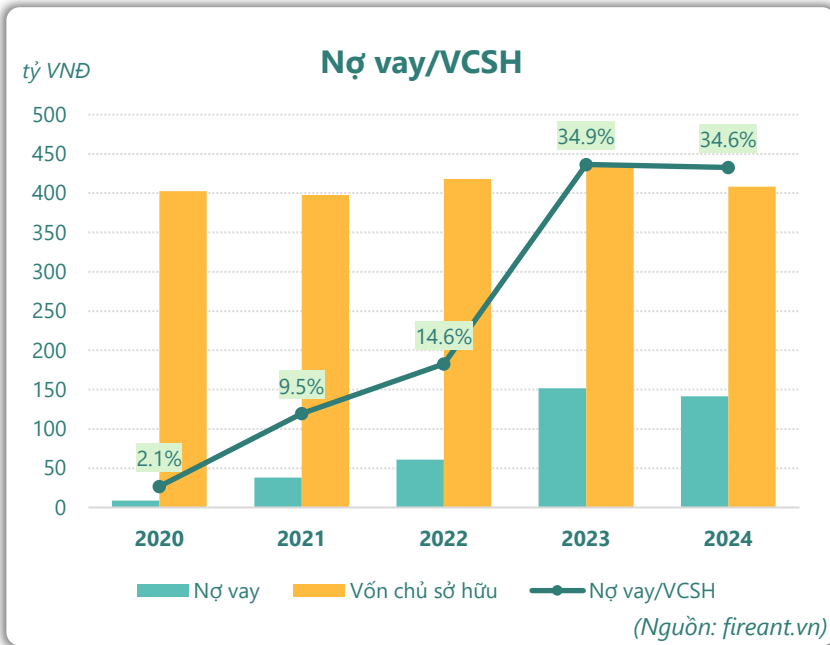
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	315	357	-11.7%	640	640	0.0%
Giá vốn hàng bán	242	258	-6.3%	499	468	6.6%
Lợi nhuận gộp	73.7	98.8	-25.5%	141	172	-17.9%
Doanh thu HĐTC	0.38	0.39	-3.6%	0.82	0.72	13.2%
Chi phí TC	1.77	0.77	130%	3.80	1.91	99.0%
Chi phí lãi vay	1.77	0.77	130%	3.79	1.91	98.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	35.8	59.8	-40.1%	58.7	95.3	-38.4%
Chi phí QLDN	15.3	18.5	-17.3%	36.9	36.4	1.3%
LN thuần từ HĐKD	21.2	20.1	5.3%	42.6	39.1	9.0%
Lợi nhuận khác	0.33	-0.02	1738%	0.32	0.18	73.1%
LN trước thuế	21.5	20.1	6.9%	43.0	39.3	9.3%
Lợi nhuận sau thuế	17.2	15.9	8.0%	34.3	31.3	9.7%
LNST của CĐ cty mẹ	17.2	15.9	8.0%	34.3	31.3	9.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.0	-12.6	3.51	63.9	-36.6	-11.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.0	-8.06	-9.78	-1.37	-4.29	-1.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.3	12.4	14.4	-88.4	7.61	-49.4
Tiền đầu kỳ	148	167	159	167	141	108
Lưu chuyển tiền thuần	18.7	-8.34	8.18	-25.9	-33.3	-62.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	167	159	167	141	108	45.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	694	818	-15.2%
Tài sản ngắn hạn	511	622	-17.8%
Tiền và tương đương tiền	45.7	141	-67.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	111	82.5	34.0%
Hàng tồn kho	335	383	-12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	19.8	15.4	28.7%
Tài sản dài hạn	183	197	-7.1%
Phải thu dài hạn	0.18	0.19	-7.4%
Tài sản cố định	152	161	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.90	6.86	-28.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.6	28.9	-11.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	297	410	-27.6%
Nợ ngắn hạn	273	380	-28.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	114	111	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.1	211	-53.4%
Nợ dài hạn	24.1	30.4	-20.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.1	30.4	-20.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	397	408	-2.8%
Vốn chủ sở hữu	397	408	-2.8%
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

